

Số: 1332/STC-QLGCS

Hải Dương, ngày 30 tháng 5 năm 2018

V/v rà soát, kiểm tra và chỉnh lý
dữ liệu trên Phần mềm
Quản lý đăng ký tài sản

Kính gửi:

- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã.

Thực hiện chủ trương tin học hóa việc báo cáo kê khai tài sản công, theo dõi tình hình biến động của tài sản, Bộ Tài chính đã xây dựng và chuyển giao Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản cho các địa phương, trong đó các tài sản phải nhập vào Phần mềm gồm: Nhà, đất, xe ô tô và tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên. Từ năm 2008 Sở Tài chính Hải Dương đã triển khai tập huấn, hướng dẫn và phân quyền nhập dữ liệu (gồm tên truy cập, mật khẩu đăng nhập và quyền truy cập) đến các Sở, ngành, Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thành phố, thị xã. Tuy nhiên, trong quá trình theo dõi và nhập dữ liệu vào phần mềm, nhiều đơn vị đã phát sinh sai sót về thông tin và không phản ánh kịp thời sự biến động của tài sản.

Căn cứ văn bản số 722/UBND-VP ngày 16/3/2018 của UBND tỉnh v/v triển khai thực hiện Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; để đảm bảo việc cập nhật dữ liệu về tài sản công trên địa bàn toàn tỉnh vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công được đầy đủ, chính xác, kịp thời phục vụ công tác quản lý tài chính, tài sản một cách có hiệu quả, Sở Tài chính đề nghị các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã chỉ đạo bộ phận chuyên môn phối hợp rà soát lại số liệu về tài sản công (gồm: nhà, đất, xe ô tô và tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên) trên Phần mềm quản lý tài sản, cụ thể:

1. Đối với các đơn vị đã được phân quyền nhập dữ liệu (gồm: Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Sở Giao thông vận tải, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Lao động- Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Văn hóa- Thể thao và Du lịch, phòng Tài chính- Kế hoạch các huyện, thành phố, thị xã):

1.1. Đối với các tài sản đã nhập vào Phần mềm:

- Rà soát giữa thông tin trên hồ sơ tài sản và trên Phần mềm quản lý tài sản về nguyên giá, năm đưa vào sử dụng, tình hình biến động tăng, giảm của các tài sản đơn vị mình đang quản lý và các đơn vị trực thuộc.

- Trường hợp phát hiện có sai sót, không thống nhất giữa hồ sơ và dữ liệu trên phần mềm đề nghị đơn vị phản hồi về Sở Tài chính (Phòng Quản lý giá – công sản) để phối hợp xử lý.

Là

đi

1.2. Đối với các tài sản phát sinh nhưng chưa nhập vào phần mềm: Đơn vị căn cứ vào các Tờ khai, các hồ sơ về thông tin tài sản để tiến hành nhập dữ liệu (gồm: nhập số dư ban đầu và biến động tài sản) vào Phần mềm; Sở Tài chính sẽ kiểm tra tính chính xác, hợp lý của dữ liệu trước khi duyệt vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công.

2. Đối với các đơn vị chưa được phân quyền nhập dữ liệu: Rà soát lại toàn bộ thông tin trên hồ sơ về nguyên giá, năm đưa vào sử dụng, tình hình biến động tăng, giảm về tài sản của đơn vị mình và các đơn vị trực thuộc đang quản lý; đồng thời tổng hợp (theo biểu mẫu đính kèm) gửi về cơ quan chủ quản cấp trên (nếu có) và Sở Tài chính (phòng Quản lý giá – công sản) trước ngày 10 tháng 6 năm 2018 để thực hiện cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công.

Đề nghị các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã quan tâm thực hiện. Trong quá trình triển khai, nếu có vướng mắc, đề nghị các đơn vị liên hệ trực tiếp với Sở Tài chính (phòng Quản lý giá- công sản, số điện thoại: 02203.857.578) để phối hợp giải quyết./. Nguyễn Văn Ngọc

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- UBND tỉnh; (để báo cáo)
- Lưu: VT, QLG-CS.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Ngọc

UBND ...

SỞ, NGÀNH, ...

Mẫu

TỔNG HỢP THÔNG TIN DỮ LIỆU TÀI SẢN LÀ NHÀ, ĐẤT
(Kèm theo công văn số 533/STC-QLGCN ngày 30/5/2018 của Sở Tài chính)



TT	TÀI SẢN	Trong đó:				Tình hình biến động về đất				Tình hình biến động về nhà											
		Tăng		Giảm		Tăng		Giảm		Tăng		Giảm									
		Tổng diện tích nhà, đất được giao thời điểm 1/1/2009 (m ²)	Sử dụng để làm trụ sở việc nghiệp (m ²)	Sử dụng cho hoạt động sản xuất nghiệp (m ²)	Diện tích bô trống (m ²)	Diện tích Khác (m ²)	Giá trị đất/ Nguyên giá nhà (đồng)	Lý do tăng (Giao mới; Được tiếp nhận; Chuyển nhượng; Di thuê)	Ngày, tháng, năm	Diện tích (đồng)	Giá trị (đồng)	Lý do giảm (Bị thu hồi; Điều chuyển; Chuyển nhượng) Mua sắm	Ngày, tháng, năm								
1	2	3=4+5+6+7+	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
1	Đất																				
1.1	Vị trí 1																				
1.2	Vị trí 2																				
2	Nhà																			
2.1	Nhà số 1																				
2.2	Nhà số 2																				
																				

NGƯỜI LẬP

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

SỞ, NGÀNH, UBND...

TRUNG TÂM/DON VI.....

Mẫu

Scanned by CamScanner

**TỔNG HỢP THÔNG TIN DỮ LIỆU TÀI SẢN LÀ NHÀ, ĐẤT
(Kèm theo công văn số 1332/STC-QLGCS ngày 30/5/2018 của Sở Tài chính)**

TT	TÀI SẢN	Trong đó:			Giá trị đất/ Nguyên giá nhà (đồng)	Tình hình biến động về đất			Tình hình biến động về nhà			
		Tăng		Giảm		Tăng		Giảm	Tăng			
		Sử dụng để làm trụ sở việc nghiệp (m ²)	Sử dụng cho hoạt động sự nghiệp (m ²)	Cho thuê, LD, LK (m ²)	Diện tích đất bỗ trống (m ²)	Diện tích trị giá (đồng)	Lý do tăng (Giao mới; Được tiếp nhau; Chuyển nhượng; Đi thuê)					
1	2	3=4+5+6+7+	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	Đất											
1.1	Vị trí 1											
1.2	Vị trí 2											
2	Nhà											
2.1	Nhà số 1											
2.2	Nhà số 2											
											

NGƯỜI LẬP

THỦ TRƯỞNG DON VI

TỔNG HỢP THÔNG TIN DỰ LIỆU TÀI SẢN LÀ Ô TÔ, TÀI SẢN KHÁC
(Kèm theo công văn số 1332/STG-QLGCS ngày 30/5/2018 của Sở Tài chính)



		Ô tô, Tài sản khác trên 500 triệu				Tình hình biến động về ô tô				Tình hình biến động về tài sản trên 500 triệu			
TT	TÀI SẢN	Tổng số xe/ tài sản khác thời diễn 1/1/2009 (Chiếc)	Loại xe, Loại ngồi TS (*)	Số chỗ ngồi	Biển kiêm soát/ Ký hiệu TS	Năm SX	Năm đưa vào sử dụng	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm
								Lý do tăng (đồng)	Lý do giảm (đồng)	Lý do tăng (đồng)	Lý do giảm (đồng)	Lý do tăng (đồng)	Lý do giảm (đồng)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Ô tô												
1.1	Xe Toyota I												
1.2	Xe Honda 2												
2	Tài sản khác												
2.1	Tài sản I												
2.2	Tài sản 2												
												

NGƯỜI LẬP

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(*) Xe/số xe/Loại TS: Xe phục vụ hành chính; Xe phục vụ chung; Xe chuyên dùng; Xe khác; Loại TS: Vật kiện trục; Phương tiện vận tải; Máy móc thiết bị VP; Thiết bị truyền dẫn; Máy móc chuyên dùng; TS có định khái)

TỔNG HỢP THÔNG TIN DỮ LIỆU TÀI SẢN LÀ Ô-TÔ, TÀI SẢN KHÁC
(Kèm theo công văn số 1332/STC-QLGCS ngày 30/5/2018 của Sở Tài chính)

	Ô tô, Tài sản khác trên 500 triệu				Tình hình biến động về ô tô				Tình hình biến động về tài sản trên 500 triệu														
	Tăng		Giảm		Tăng		Giảm		Tăng		Giảm												
TT	Tài Sản	Tổng số xe/ tài sản khác thời điểm 1/1/2009 (Chiếc)	Loại xe/ chỗ ngồi TS (*)	Biên kiểm soá/ sử dụng	Năm đưa vào (đồng)	Nguyên giá (đồng)	Lý do tăng (Loại xe; Số chỗ ngồi soát	Biên kiểm năm	Nguyên giá (đồng)	Lý do tăng (Loại xe; Số chỗ ngồi soát	Biên kiểm năm	Nguyên giá (đồng)	Lý do giảm (Bị thu hồi; Điều chuyển; Ngày, tháng, năm lý; Bán; Tiêu hủy; Đ.c ngoài HT; Khác)										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	
1	Ô tô
1.1	Xe Toyota I																						
1.2	Xe Honda 2																						
2	Tài sản khác																						
2.1	Tài sản 1																						
2.2	Tài sản 2																						
																						

NGƯỜI LẬP

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(*) Loại xe/Loại TS: Xe p.vụ chục danh; Xe p.vụ chung; Xe chuyên dùng; Xe khác; Loại TS: Vật kiến trú; Phương tiện vận tải; Máy móc thiêt bị VIP; Thiết bị truyền dẫn; Máy móc chuyên dùng; TS có định khac)